

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	15 - 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà – Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104798552 ngày 13 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 6 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung về ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 cấp ngày 12 tháng 05 năm 2014, thay đổi về địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 200.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04 62 659 598

Fax : 04 62 659 528

E-mail : www.songdahanoi.vn

Mã số thuế : 0 1 0 4 7 9 8 5 5 2

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ, máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;

- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng chuyên dụng khác: chống ẩm tòa nhà, xây dựng nền móng tòa nhà, đóng cọc, xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng, xây dựng các công trình đường thủy, bến cảng, công trình trên sông, các công trình thể thao ngoài trời, các công trình kỹ thuật công nghiệp bao gồm: nhà máy lọc dầu, xưởng hóa chất
- Xây dựng công trình đường sắt đường bộ
- Xây dựng các công trình công ích
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác

Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng

- Sửa chữa máy móc thiết bị
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Sản xuất sản phẩm từ plastic
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân loại vào đâu

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 30 tháng 7 năm 2014 Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 20 tháng 8 năm 2014 với mã chứng khoán: ASD. Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu ASD trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 34).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Chủ tịch HĐQT	01 tháng 7 năm 2010	
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành Viên	30 tháng 6 năm 2010	
Ông Phạm Xuân Kiềm	Thành Viên	15 tháng 5 năm 2013	
Ông Trịnh Xuân Phúc	Thành Viên	15 tháng 5 năm 2013	
Bà Đinh Thị Lan Anh	Thành Viên	30 tháng 10 năm 2013	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Vũ Luật	Trưởng Ban	30 tháng 6 năm 2010	
Ông Dương Kim Ngọc	Thành Viên	30 tháng 6 năm 2010	
Ông Lê Tùng Hoa	Thành Viên	15 tháng 5 năm 2013	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Tổng Giám Đốc	27 tháng 6 năm 2012	
Ông Nguyễn Thế Đoàn	Phó Tổng Giám Đốc	19 tháng 6 năm 2012	01 tháng 02 năm 2014
Ông Bùi Ngô Phúc	Phó Tổng Giám Đốc	28 tháng 9 năm 2010	
Ông Hà Mạnh Dương	Phó Tổng Giám Đốc	30 tháng 6 năm 2014	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Chủ tịch



Đoàn Ngọc Ly

Ngày 14 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số 94/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2015, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



A blue ink signature, likely belonging to Trần Kim Anh, the auditor.

Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2014-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.978.645.677	84.264.092.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.320.636.594	5.844.153.328
1. Tiền	111		14.320.636.594	1.384.153.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.460.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.069.851.833	37.574.935.040
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	12.540.324.859	16.777.066.656
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	14.446.491.400	20.687.802.036
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	83.035.574	110.066.348
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		31.622.424.288	27.959.057.468
1. Hàng tồn kho	141	V.5	31.622.424.288	27.959.057.468
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.965.732.962	12.885.947.020
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		438.150.499	617.979.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	5.527.582.463	12.267.967.805

HH4

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.143.386.933	13.517.774.317
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.143.386.933	13.323.374.648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.433.119.911	4.072.107.626
Nguyên giá	222		4.305.936.092	5.351.414.273
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.872.816.181)	(1.279.306.647)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	9.710.267.022	9.251.267.022
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	194.399.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	-	194.399.669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91.122.032.610	97.781.867.173

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		50.130.445.373	57.388.378.916
I. Nợ ngắn hạn	310		50.130.445.373	57.388.378.916
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	1.200.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.11	15.550.868.515	12.117.133.843
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	9.182.689.676	14.472.581.484
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	278.542.030	238.001.141
5. Phải trả người lao động	315		704.844.727	712.805.904
6. Chi phí phải trả	316	V.14	22.500.813.613	25.499.012.654
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	712.686.812	4.348.843.890
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.991.587.237	40.393.488.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	40.991.587.237	40.393.488.257
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		991.587.237	393.488.257
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		91.122.032.610	97.781.867.173

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-		-
5. Ngoại tệ các loại			-		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Người lập biểu

Đỗ Đức Thắng

Kế toán trưởng

Đỗ Giáp Tý

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	73.694.996.505	44.659.161.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		73.694.996.505	44.659.161.957
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.315.132.631	39.114.561.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.379.863.874	5.544.600.201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	795.249.475	1.805.268.731
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	77.357.347	29.790.243
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.500.000	29.790.243
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.624.306.718	7.006.250.271
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		473.449.284	313.828.418
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.872.936.364	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.517.681.828	-
13. Lợi nhuận khác	40		355.254.536	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		828.703.820	313.828.418
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		230.604.840	134.707.105
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		598.098.980	179.121.313
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	150	45

Người lập biểu

Đỗ Đức Thắng

Kế toán trưởng

Đỗ Giáp Tý

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp giá trị tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	828.703.820	313.828.418
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	801.214.834	569.350.793
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.099.674.491)	(1.779.262.142)
- Chi phí lãi vay	06	3.500.000	29.790.243
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	533.744.163	(866.292.688)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.140.022.243	(35.600.102.687)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.663.366.820)	(9.392.910.023)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(8.555.034.084)	22.568.844.044
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	194.399.669	9.858.880.986
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.500.000)	(90.911.603)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(143.504.299)	(47.127.092)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	10.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.400.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.112.760.872	(13.569.619.063)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(909.000.000)	(2.544.313.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.681.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	390.904.212	1.223.851.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.163.722.394	(1.320.462.614)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.700.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.500.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.476.483.266	(14.890.081.677)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 5.844.153.328	20.734.235.005
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 14.320.636.594	5.844.153.328

Người lập biểu

Đỗ Đức Thắng

Kế toán trưởng

Đỗ Giáp Tý

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, nhận, giao thầu
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp các hạng mục công trình
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 36 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 40 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 30 tháng 7 năm 2014 Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 20 tháng 8 năm 2014 với mã chứng khoán: ASD. Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu ASD trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	45
Máy móc và thiết bị	6-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	13.163.613.133	1.128.004.652
Tiền gửi ngân hàng	1.157.023.461	256.148.676
Các khoản tương đương tiền	-	4.460.000.000
<i>-Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	-	4.460.000.000
Cộng	<u>14.320.636.594</u>	<u>5.844.153.328</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành Thủy điện Lai Châu	6.079.380.803	10.730.540.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	3.295.995.121	1.686.833.698
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	1.834.338.743	2.549.361.535
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	330.516.000	858.882.909
Xí nghiệp Sông Đà 10.4	91.167.480	367.432.571

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân Quảng Lợi	-	555.411.029
Công ty Cổ Phần Tư vấn Phú Hưng	-	28.604.459
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và TM Nam Ninh	314.724.978	-
Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng	232.909.636	-
Công ty Cổ Phần Licogi 13	134.045.000	-
Các khách hàng khác	227.247.098	-
Cộng	<u>12.540.324.859</u>	<u>16.777.066.656</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và TM Nam Ninh	8.364.676.388	2.900.411.657
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Viên Yên	1.788.031.067	2.278.165.259
Công ty Cổ phần tư vấn Việt Anpha	1.484.338.280	1.850.638.000
Công ty Cổ phần Hùng Châm	995.398.845	1.524.043.595
Doanh nghiệp tư nhân Quảng Lợi	42.337.722	4.357.901.844
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ Tầng Phương Nam	-	1.134.623.003
Công ty Cổ phần Tư Vấn Phú Hưng	-	1.021.970.000
Công ty Cổ phần Ethanol Việt Nam	-	5.206.618.169
Công ty TNHH TM & DV Hồng Hạnh	-	182.490.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Đức Huy	73.791.283	157.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn địa kỹ thuật Nam Hà	400.000.000	-
Liên đoàn Bán đồ địa chất MB	337.800.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Anh Thái	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đại Hưng	196.088.277	-
Trả trước cho người bán khác	564.029.538	73.440.509
Cộng	<u>14.446.491.400</u>	<u>20.687.802.036</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	13.534.655	11.198.705
Bảo hiểm y tế	2.940.566	2.318.992
Bảo hiểm thất nghiệp	1.686.421	1.420.415
Cước điện thoại	6.324.436	-
Thuế TNCN phải thu	13.066.646	-
Phải thu tiền điện	-	65.792.263
Phải thu khác	45.482.850	29.335.973
Cộng	<u>83.035.574</u>	<u>110.066.348</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	190.459.412	-
Công cụ, dụng cụ	16.811.660	9.325.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.415.153.216	27.949.732.468
Cộng	<u>31.622.424.288</u>	<u>27.959.057.468</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4.127.582.463	12.267.967.805
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.400.000.000	-
Cộng	<u>5.527.582.463</u>	<u>12.267.967.805</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	464.726.273	502.000.000	4.199.081.000	185.607.000	5.351.414.273
Tăng trong năm do mua sắm mới	-	450.000.000	-	-	450.000.000
Giảm trong năm do thanh lý nhượng bán	-	-	(1.495.478.181)	-	(1.495.478.181)
Số cuối năm	<u>464.726.273</u>	<u>952.000.000</u>	<u>2.703.602.819</u>	<u>185.607.000</u>	<u>4.305.936.092</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	56.050.000	56.050.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.654.509	5.534.722	1.114.294.878	138.822.538	1.279.306.647
Khấu hao trong năm	10.327.248	110.166.664	637.535.250	43.185.672	801.214.834
Giảm do thanh lý, nhuận bán	-	-	(207.705.300)	-	(207.705.300)
Số cuối năm	<u>30.981.757</u>	<u>115.701.386</u>	<u>1.544.124.828</u>	<u>182.008.210</u>	<u>1.872.816.181</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	444.071.764	496.465.278	3.084.786.122	46.784.462	4.072.107.626
Số cuối năm	<u>433.744.516</u>	<u>836.298.614</u>	<u>1.159.477.991</u>	<u>3.598.790</u>	<u>2.433.119.911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	909.000.000	450.000.000	459.000.000
Máy khoan KQD 1004KW/380	-	44.000.000	-	44.000.000
Máy khoan đá dùng khí nén	-	135.000.000	-	135.000.000
Máy đầm rung	-	450.000.000	450.000.000	-
Máy bơm vữa bê tông	-	90.000.000	-	90.000.000
Bộ ghi dữ liệu TS2	-	190.000.000	-	190.000.000
XDCB dở dang	9.251.267.022	-	-	9.251.267.022
Dự án Quốc lộ 6	8.209.979.476	-	-	8.209.979.476
Dự án KCN Mông Hoá-Hoà Bình	46.142.090	-	-	46.142.090
Dự án khu đô thị quận Hà Đông	995.145.456	-	-	995.145.456
Cộng	9.251.267.022	909.000.000	450.000.000	9.710.267.022

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Đồ dùng văn phòng khác	-	7.627.273	7.627.273	-
Máy tính phục vụ văn phòng	-	27.588.182	27.588.182	-
Đồ dùng trụ sở HH4	194.399.669	-	194.399.669	-
Cộng	194.399.669	35.215.455	229.615.124	-

10. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay của Công ty Tài Chính Cổ Phần Sông Đà

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy ⁽¹⁾	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	11.200.000.000	10.000.000.000	1.200.000.000
Công ty Tài Chính Cổ phần Sông Đà ⁽²⁾	-	9.200.000.000	8.000.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 ⁽³⁾	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Cộng	-	12.700.000.000	11.500.000.000	1.200.000.000

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2014/3556106 ngày 4/9/2014 giữa ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy và Công ty. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 20.000.000.000 VND. Hạn mức cấp bảo lãnh là 30.000.000.000 VND. Mục đích cho vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng nhận nợ cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (2) Khoản vay theo Hợp đồng Hạn mức tín dụng số 00200141/14/HĐHMTD ngày 28/4/2014 giữa Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà và Công ty. Hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VND. Số tiền cho vay tối đa 10.000.000.000 VND/lần. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh trong nước thực hiện sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất trong hạn bằng lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng thêm 3%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2014/SĐHN-SD11 ngày 08/08/2014 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội. Số tiền vay 2.000.000.000 VND, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất 7%/năm, thời hạn từ 08/08/2014 đến 14/08/2014 nhằm bổ sung vốn.

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Tư vấn Việt Alpha	3.832.556.173	4.460.209.199
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh	3.777.036.914	1.393.479.542
Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Mạnh Đức	1.870.502.999	1.032.092.299
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ Tầng Phương Nam	1.542.093.472	485.022.896
Tập đoàn Sông Đà	926.388.124	628.484.672
Công ty CP Hùng Châm	860.332.039	528.644.750
Công ty CP Ethanol Việt Nam	633.097.000	
Công ty CP Công nghiệp Xây Dựng Toàn phát	587.606.866	1.377.921.127
Công ty CP Xây dựng và Thương Mại Viên Yến	329.733.424	760.229.116
Công ty CP Sông Đà 11 - Chi nhánh 11.1	322.563.423	81.659.309
Công ty CP Tư Vấn Phú Hưng	318.153.047	725.826.076
Công ty TNHH MTV XD Đại Hưng	283.958.277	-
Công ty CP Sông Đà 7.04	101.577.483	170.083.661
Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Đức Huy	-	164.450.000
Phải trả người bán khác	165.269.274	309.031.196
Cộng	<u>15.550.868.515</u>	<u>12.117.133.843</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Minh Đăng	5.000.000.000	5.000.000.000
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	2.771.266.090	3.470.889.908
Trường THPT Đỗ Huy Liêu	750.000.000	-
Ban điều hành Thủy Điện Huội Quảng	661.423.586	853.400.000
Công ty Cổ phần VINATEX	-	4.978.291.576
Công ty TNHH Xây lắp Cường Lĩnh	-	170.000.000
Cộng	<u>9.182.689.676</u>	<u>14.472.581.484</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.707.105	241.437.690	143.504.299	232.640.496
Thuế thu nhập cá nhân	103.294.036	53.433.885	110.826.387	45.901.534
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	238.001.141	297.871.575	257.330.686	278.542.030

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 có hiệu lực từ ngày 2/8/2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2014, kể từ ngày 01/01/2014 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 25% xuống 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	828.703.820	313.828.418
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	219.500.000	225.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	219.500.000	225.000.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	216.000.000	225.000.000
Chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn góp thiếu	3.500.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	313.828.418
Thu nhập chịu thuế	1.048.203.820	538.828.418
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.048.203.820	538.828.418
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>230.604.840</i>	<i>134.707.105</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>230.604.840</i>	<i>134.707.105</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	230.604.840	134.707.105

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trích trước các hạng mục công trình		
Công trình Bản vẽ	13.700.000.000	-
Công trình thủy điện Nậm Chiến	3.407.617.173	627.249.653
Nhà ở công nhân B1	2.720.000.000	1.729.600.000
Khoan phun chống thấm của nhận nước	-	1.062.928.073
Thủy điện Huội Quảng	983.476.303	4.195.907.265
Công trình khu nhà ở liền kề Chúc Sơn	889.720.137	2.466.000.000
San lấp Nghĩa Hưng Sông Hồng	800.000.000	-
Khoan phun chống thấm để quây hạ lưu	-	1.577.240.583
Gia cố mái hồ móng bờ trái đợt 2	-	642.885.192
Nhà ở và làm việc ban quản lý	-	335.037.020
Lán trại - Xây dựng nhà ở khu 19.1	-	999.069.971
Khoan phun gia cố công trình chính, gian biển thể	-	2.872.901.128
Phần móng và mặt đường NT 12	-	1.747.940.400
Thi công bãi lấp rấp liên hợp	-	683.805.592
Nút giao và ngầm tràn (NT 12)	-	151.739.221
Nhà máy nước sạch Nam Định	-	2.502.782.903
Thoát nước cống hàng rào	-	461.661.304
Tuyến ống nước thô DN 5000	-	3.442.264.349
Cộng	22.500.813.613	25.499.012.654

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	206.731.188	203.326.809
Bảo hiểm y tế	36.529.250	38.123.777
Bảo hiểm thất nghiệp	16.111.032	16.943.891
Kinh phí công đoàn	7.544.031	-
Phải trả DNTN Quảng Lợi tiền khối lượng tuyến đường NT12	-	4.076.227.650
Thù lao Hội đồng Quản trị	404.000.000	-
Tiền đặt cọc dự thầu	10.000.000	-
Phải trả khác	31.771.311	14.221.763
Cộng	712.686.812	4.348.843.890

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	40.000.000.000	214.366.944	40.214.366.944
Lợi nhuận trong năm trước	-	179.121.313	179.121.313
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	393.488.257	40.393.488.257
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	393.488.257	40.393.488.257
Lợi nhuận trong năm	-	598.098.980	598.098.980
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	991.587.237	40.991.587.237

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			
	VND	Tỷ lệ (%)	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
Tập Đoàn Sông Đà	110.000.000.000	55%	22.000.000.000	88.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	20.000.000.000	10%	4.000.000.000	16.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Sông Đà	10.000.000.000	5%	2.000.000.000	8.000.000.000
Tổng công ty CP ĐTPT Xây dựng	30.000.000.000	15%	6.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐTXD&PTĐT Sông Đà	20.000.000.000	10%	4.000.000.000	16.000.000.000
Các cổ đông khác	10.000.000.000	5%	2.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	100%	40.000.000.000	160.000.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	73.694.996.505	44.659.161.957
Doanh thu hoạt động xây dựng	72.581.693.451	42.105.684.145
Doanh thu hoạt động khác	1.113.303.054	2.553.477.812
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	73.694.996.505	44.659.161.957

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây dựng	64.507.909.659	36.599.316.094
Giá vốn hoạt động khác	807.222.972	2.515.245.662
Cộng	<u>65.315.132.631</u>	<u>39.114.561.756</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	16.763.223	26.006.589
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	136.579.417	463.082.550
Lãi tiền cho vay	641.906.835	1.316.179.592
Cộng	<u>795.249.475</u>	<u>1.805.268.731</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.500.000	-
Lãi chậm thanh toán	72.857.062	29.790.243
Lãi bảo hiểm	1.000.285	-
Cộng	<u>77.357.347</u>	<u>29.790.243</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.557.873.768	2.882.695.721
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	416.081.744	308.107.826
Chi phí đồ dùng văn phòng	229.615.124	341.647.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	504.113.400	763.545.541
Thuế, phí và lệ phí	83.278.830	73.602.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.291.205.193	687.941.813
Chi phí bằng tiền khác	2.542.138.659	1.948.710.076
Cộng	<u>8.624.306.718</u>	<u>7.006.250.271</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hồ sơ dự thầu	12.000.000	-
Doanh thu bán nhựa đường	179.118.182	-
Doanh thu thanh lý tài sản cố định	1.681.818.182	-
Cộng	<u>1.872.936.364</u>	<u>-</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn nguyên vật liệu thanh lý	216.779.363	-
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	1.287.772.881	-
Chi phí khác	13.129.584	-
Cộng	<u>1.517.681.828</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	598.098.980	179.121.313
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	598.098.980	179.121.313
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>150</u>	<u>45</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.000.000	4.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.820.385.556	892.644.865
Chi phí nhân công	5.131.731.919	3.308.128.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	801.214.834	789.850.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.551.746.113	761.543.965
Chi phí khác	55.938.255.545	49.014.573.619
Cộng	<u>77.243.333.967</u>	<u>54.766.741.655</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương Ban Giám đốc	581.392.454	638.256.378

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn
CN Sông Đà 11.1	Công ty cùng tập đoàn
XN I Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Công ty cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Công ty cùng tập đoàn
XN Sông Đà 10.4	Công ty cùng tập đoàn
Xí nghiệp sông đà 5.08	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty cùng tập đoàn
BĐH thủy điện Sơn La	Công ty cùng tập đoàn
BĐH Thủy Điện Huội Quảng	Công ty cùng tập đoàn
BĐH Thủy điện Lai Châu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty cùng tập đoàn
Chi nhánh Sông Đà 12.2	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 908	Công ty cùng tập đoàn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tổng Công ty Sông Đà	
Tiền lãi chậm thanh toán	72.857.062
Tiền thuê văn phòng	204.587.628
Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà	
Tiền phí dịch vụ văn phòng	402.358.384
CN Sông Đà 11.1	
Tiền điện nước phải trả	321.542.941
XN I Công ty Cổ phần Sông Đà 909	
Tiền thuê máy xúc phải trả	282.825.000
BĐH thủy điện Sơn La	
Khối lượng xây lắp hoàn thành	3.169.902.007
BĐH Thủy Điện Huội Quảng	
Khối lượng xây lắp hoàn thành	2.308.645.536
BĐH Thủy điện Lai Châu	
Khối lượng xây lắp hoàn thành	11.135.039.721
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	
Khối lượng xây lắp hoàn thành	383.531.520
Chi nhánh Sông Đà 12.2	
Tiền điện phải trả	84.952.800
Công ty Cổ phần Sông Đà 908	
Mua vật tư	38.725.171

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành Thủy điện Lai Châu		
Phải thu giá trị xây lắp	6.079.380.803	10.730.540.455
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà		
Tiền khoan phạt	330.516.000	858.882.909
Xí nghiệp Sông Đà 10.4		
Phải thu giá trị xây lắp	91.167.480	367.432.571
Ban điều hành thủy điện Sơn La		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu giá trị xây lắp	1.834.338.743	2.549.361.535
<i>Ban điều hành Thủy Điện Huội Quảng</i>		
Phải thu giá trị xây lắp	232.909.636	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 2</i>		
Phải thu giá trị xây lắp	78.304.352	-
Cộng nợ phải thu	<u>8.646.617.014</u>	<u>14.506.217.470</u>
<i>Ban điều hành Thủy điện Lai Châu</i>		
Ứng trước Khối lượng XL	2.771.266.090	3.470.889.908
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Tiền thuê văn phòng và lãi chậm trả	926.388.124	628.484.672
<i>Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà</i>		
Phí dịch vụ văn phòng	30.835.214	62.126.452
<i>Chi nhánh Sông Đà 11.1</i>		
Tiền điện nước phục vụ thi công	322.563.423	81.659.309
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 909 - Xí nghiệp I</i>		
Tiền thuê máy xúc	-	95.499.800
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04</i>		
Tiền khối lượng xây lắp	101.577.483	170.083.661
<i>Xí nghiệp Sông Đà 5.08</i>		
Tiền vữa bê tông	-	49.000.541
<i>Ban điều hành Thủy Điện Huội Quảng</i>		
Ứng trước Khối lượng XL	661.423.586	853.400.000
Cộng nợ phải trả	<u>4.814.053.920</u>	<u>5.411.144.343</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động xây dựng (hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 10% doanh thu, tổng tài sản) nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong khu vực địa lý nội địa và đều không được hưởng ưu đãi.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000
Phải trả người bán	15.550.868.515	-	-	15.550.868.515
Các khoản phải trả khác	22.542.584.924	-	-	22.542.584.924
Cộng	39.293.453.439	-	-	39.293.453.439
Số đầu năm				
Phải trả người bán	12.117.133.843	-	-	12.117.133.843
Các khoản phải trả khác	29.589.462.067	-	-	29.589.462.067
Cộng	41.706.595.910	-	-	41.706.595.910

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.320.636.594	-	5.844.153.328	-	14.320.636.594	5.844.153.328
Phải thu khách hàng	12.540.324.859	-	16.777.066.656	-	12.540.324.859	16.777.066.656
Các khoản phải thu khác	1.445.482.850	-	95.128.236	-	1.445.482.850	95.128.236
Cộng	28.306.444.303	-	22.716.348.220	-	28.306.444.303	22.716.348.220

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Phải trả người bán	15.550.868.515	12.117.133.843	15.550.868.515	12.117.133.843
Các khoản phải trả khác	22.542.584.924	29.589.462.067	22.542.584.924	29.589.462.067
Cộng	39.293.453.439	41.706.595.910	39.293.453.439	41.706.595.910

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa nhà HH4 – Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Đỗ Đức Thắng

Kế toán trưởng



Đỗ Giáp Tý

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

C. T. I. N. H.
H. A. N.
V. A. N.
H. A. N. O. I.